



**anviet**  
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt  
www.anvietcpa.com

**BẢN SAO**

**TỔNG CÔNG TY TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM  
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHÍNH, TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ ĐẤT ĐAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 25/04/2016**

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 0 5 9 6 Quyền số: 0 7 SCT/BS

Ngày: 25-07-2017



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Trình Văn Hiếu*

**TỔNG CÔNG TY TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM  
CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHÍNH, TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ ĐẤT ĐAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 25/04/2016**



---

**Tháng 05 năm 2016**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 27

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ đất đai (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016 (ngày hoạt động cuối cùng dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên).

**Ban Giám đốc**

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ gồm:

Ông Võ Dương Nguyên	Chủ tịch kiêm Giám đốc
Ông Đinh Thị Hào	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Việt	Phó Giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

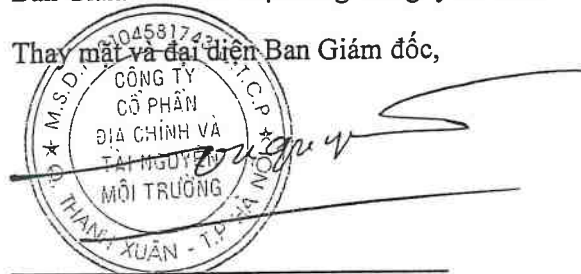
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Võ Dương Nguyên**  
**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2016

Số: 80/2016/KT-AV2-TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ Đất đai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ đất đai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22/05/2016, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 25/04/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016 và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ đất đai tại ngày 25/04/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016 của Công ty TNHH MTV Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ Đất đai được lập tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Vì vậy, các chính sách kế toán trong giai đoạn hoạt động trên được Công ty tuân thủ theo các quy định của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Dương Đình Ngọc**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán  
Số: 1699-2015-055-1  
**Thay mặt và đại diện**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2016

**Đỗ Dương Tùng**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
Số: 2904-2015-055-1

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 25 tháng 04 năm 2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	25/04/2016	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>93.670.515.940</b>	<b>134.265.429.727</b>
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.411.232.724	9.119.397.612
1. Tiền	111	5	3.411.232.724	9.119.397.612
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.654.346.047	80.005.266.241
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	46.964.472.256	79.667.412.003
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	689.873.791	337.854.238
IV- Hàng tồn kho	140		42.033.266.840	45.140.765.874
1. Hàng tồn kho	141	8	42.033.266.840	45.140.765.874
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		571.670.329	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9.1	566.336.996	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13.2	5.333.333	-
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.882.250.105</b>	<b>5.570.443.005</b>
II- Tài sản cố định	220		7.261.996.668	5.464.756.459
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.238.563.668	5.464.756.459
- Nguyên giá	222		22.601.833.050	22.282.220.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.363.269.382)	(16.817.463.719)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	23.433.000	-
- Nguyên giá	228		140.598.000	117.165.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(117.165.000)	(117.165.000)
VI- Tài sản dài hạn khác	260		1.620.253.437	105.686.546
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.2	1.620.253.437	105.686.546
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>102.552.766.045</b>	<b>139.835.872.732</b>

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 25 tháng 04 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	25/04/2016	01/01/2016
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>89.202.766.045</b>	<b>131.098.248.540</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>89.202.766.045</b>	<b>128.198.248.540</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.133.835.000	1.860.091.997
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.007.356.750	7.752.446.115
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13.1	1.321.558.461	6.223.976.674
4. Phải trả người lao động	314		1.581.378.002	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	3.424.659.689	5.660.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	12.448.854.604	7.488.759.465
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16.1	63.285.123.539	96.528.284.917
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		-	2.684.689.372
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>2.900.000.000</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16.2	-	2.900.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>13.350.000.000</b>	<b>8.737.624.192</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>13.350.000.000</b>	<b>8.737.624.192</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.350.000.000	8.737.624.192
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411a		13.350.000.000	8.737.624.192
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)</b>	<b>440</b>		<b>102.552.766.045</b>	<b>139.835.872.732</b>

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu



Trần Hải Thanh

Kế toán trưởng



Lưu Thị Huyền





(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND
			Từ 01/01/2016 đến 25/04/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	17.004.440.221
2. Các khoản giảm trừ	02	19	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	17.004.440.221
4. Giá vốn hàng bán	11	20	12.253.475.012
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.750.965.209
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.692.251
7. Chi phí tài chính	22		2.714.934.847
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.714.934.847
8. Chi phí bán hàng	25		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	1.891.834.797
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		149.887.816
11. Thu nhập khác	31		-
12. Chi phí khác	32		34.894.085
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	22	(34.894.085)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41)	50		114.993.731
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	29.977.563
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		85.016.168

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Hải Thanh

Lưu Thị Huyền

Võ Dương Nguyên

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 25/04/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		114.993.731
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02		741.979.763
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.692.251)
- Chi phí lãi vay	06		2.714.934.847
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.566.216.090
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		32.345.586.861
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.107.499.034
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(7.734.751.070)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		16.155.233
- Tiền lãi vay đã trả	14		(699.020.973)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(172.380.936)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.429.304.239
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.692.251
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.692.251
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9.427.593.777
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(45.570.755.155)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36.143.161.378)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(5.708.164.888)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.119.397.612
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5	3.411.232.724

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu

Trần Hải Thanh

Kế toán trưởng

Lưu Thị Huyền



Giám đốc  
Võ Dương Nguyên

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MÃU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ Đất đai (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Trung tâm Địa chính Đô thị phía Bắc (thuộc Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình) và Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (thuộc Công ty Đo đạc Ảnh địa hình), là Công ty con của Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 468/QĐ-BTNMT ngày 27/02/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Từ ngày 28/09/2010, Công ty Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ Đất đai chuyển thành Công ty TNHH MTV Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ Đất đai theo Quyết định số 277/QĐ-HĐTV ngày 28/09/2010 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104581743 thay đổi lần thứ nhất ngày 27/01/2011 thì vốn Điều lệ của Công ty là: 6.748.000.000 VND (Sáu tỷ bảy trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Ngày 26/04/2016, Công ty TNHH MTV Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ Đất đai chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104581743 thay đổi lần thứ hai ngày 26/04/2016 với số vốn điều lệ là 13.350.000.000 VND (Mười ba tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 143, ngõ 85, phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn và dịch vụ địa chính, đất đai.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khảo sát đo đạc bản đồ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng lưới địa chính.

- Khảo sát, thiết kế, lập luận chứng kinh tế - kỹ thuật; Tư vấn giám sát các hoạt động về Đo đạc bản đồ, Địa chất, Khoáng sản; Tài nguyên nước, môi trường, biển và hải đảo;

- Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;

- Kinh doanh bất động sản;

- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực: Đo đạc bản đồ, đất đai, địa chất khoáng sản, tài nguyên nước; Điều tra cơ bản tài nguyên - môi trường biển, quy hoạch tổng thể phần vùng biển, môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu;

- Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 35 KV; Thiết kế các công trình điện dân dụng, điện công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước;

- Tư vấn, thiết kế kết cấu, kiến trúc, giám sát và xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;

- Kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô;

- Kinh doanh lữ hành du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;

- Dịch vụ về kỹ thuật nông nghiệp, lâm nghiệp;

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan;
- Tư vấn kỹ thuật máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát địa hình công trình; Điều tra, đánh giá, tìm kiếm, thăm dò địa chất, khoáng sản, nguồn nước; Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản; Khai thác nước ngầm;
- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực để phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bất động sản;
- Kinh doanh, kiểm định máy móc, thiết bị, vật tư khoa học kỹ thuật và các sản phẩm tư liệu trong các lĩnh vực: Đo đạc bản đồ, địa chất khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường, hệ thống thông tin đất đai, thông tin địa lý, các hệ thống thông tin chuyên ngành;
- Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều tra thổ nhưỡng, đánh giá thích nghi và phân hạng đất đai; Sử dụng tài nguyên nước; Khai thác khoáng sản; Bảo vệ môi trường;
- Thành lập bản đồ và hồ sơ địa giới hành chính, Bản đồ hành chính các cấp, các loại bản đồ chuyên ngành, chuyên đề;
- Đo đạc các công trình phục vụ cho thiết kế, quy hoạch, xây dựng và quản lý các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình ngầm, công trình thủy;
- Đo vẽ, thành lập và hiệu chỉnh bản đồ địa hình; Đo vẽ các tỷ lệ bản đồ địa hình đáy sông, hồ, biển, đảo; Đo vẽ bản đồ địa chính các tỷ lệ và lập hồ sơ địa chính;
- Xây dựng lưới khống chế tọa độ, độ cao nhà nước, lưới trọng lực, lưới địa chính các cấp hạng;
- Khảo sát, thiết kế, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, xử lý nước sạch, nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, vệ sinh môi trường, triển khai các giải pháp phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường và sự cố môi trường;
- Đo đạc các thông số môi trường; thực hiện các dịch vụ về dự báo ô nhiễm môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; Lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường; Tư vấn, thẩm định, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong lĩnh vực môi trường;
- Xử lý ảnh hàng không, viễn thám;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng do công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm).
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.

1.4 **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Thực hiện Quyết định số 298/QĐ-BTNMT ngày 07/03/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam giai đoạn 2014 - 2015, định hướng đến năm 2020, Công ty đã hoàn thành các bước chuyển đổi sang loại hình công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 26/04/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104581743 ngày 26/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã điều chỉnh số liệu trong sổ kế toán theo giá trị doanh nghiệp được công bố tại Quyết định số 2632/QĐ-BTNMT ngày 15/10/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/03/2015.

## 1.6 Cấu trúc doanh nghiệp

*Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:*

- Xí nghiệp Đầu tư và Kinh doanh bất động sản;
- Xí nghiệp Địa chính;
- Xí nghiệp Địa hình;
- Trung tâm Kỹ thuật Công nghệ Môi trường;
- Trung tâm Quy hoạch - Tư vấn và Dịch vụ đất đai;
- Trung tâm Địa chính đô thị phía Bắc.

- 1.7 **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016 là kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Do đó, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016 không có số liệu so sánh.

## 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016 được lập tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

### 4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.2 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu khác; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**4.2 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi (tiếp theo)**

Theo Điều 10 - Xử lý tài chính thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty không phải trích lập dự phòng nợ khó đòi tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

**4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung phát sinh liên quan đến các hợp đồng thiết kế đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng lưới địa chính... Chi phí sản xuất chung được phân bổ theo kinh phí được quyết toán kế hoạch giao việc cho từng công trình.

**4.4 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/05/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Từ ngày 01/01/2016  
đến ngày 25/04/2016  
Số năm

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**4.5 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm ứng dụng. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao là 04 năm.

**4.6 Chi phí trả trước**

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích không quá 10 năm kể từ ngày được ghi nhận.

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ có giá trị lớn xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá 24 tháng.

#### 4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, phải trả về cổ phần hóa và các khoản phải trả khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

#### 4.8 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản đi vay theo các hợp đồng tín dụng được ký kết. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản đi vay của Công ty là các khoản vay cá nhân. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

#### 4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

#### 4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm quỹ lương dự phòng cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến ngày 31/12/2015 và khoản trích trước chi phí dịch vụ quản lý trụ sở nhà làm việc cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016.

#### 4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### 4.12 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ* đo đạc bản đồ, tư vấn, thiết kế được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- Có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ việc giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ đó;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc đã hoàn thành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU SỐ B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**4.12 Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**

*Doanh thu hoạt động tài chính* là lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Thu nhập khác* phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.13 Giá vốn**

Giá vốn hoạt động dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành công trình, dịch vụ phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**4.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là lãi tiền vay, được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế.

**4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

**4.16 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng trong kỳ là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.17 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác.



#### 4.17 Công cụ tài chính (tiếp theo)

##### Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### 4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam với tư cách là công ty mẹ, các công ty con do Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam đầu tư và chi phối; các thành viên trong Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**5 TIỀN**

	25/04/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	267.448.490	196.198.467
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.143.784.234	8.923.199.145
<b>Cộng</b>	<b>3.411.232.724</b>	<b>9.119.397.612</b>

**6 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	25/04/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>46.964.472.256</b>	<b>79.667.412.003</b>
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	17.132.165.370	24.551.900.671
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên	372.303.256	9.471.166.557
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên	16.759.862.114	15.080.734.114
Các khoản phải thu của khách hàng khác	29.832.306.886	55.115.511.332
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
<i>Xi nghiệp Tài nguyên và Môi trường 2</i>	2.765.719.678	3.866.393.069
<i>Mối quan hệ Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ</i>	596.314.742	596.314.742
<i>Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam</i>	2.169.404.936	2.295.830.327
<i>Công ty TNHH MTV Đo đạc và Khoáng sản</i>	-	974.248.000
<i>Cùng Công ty mẹ</i>	-	-

**7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	25/04/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>689.873.791</b>	-	<b>337.854.238</b>	-
Phải thu về cổ phần hoá	400.000.000	-	100.120.000	-
Ký cược, ký quỹ	133.112.630	-	173.112.630	-
Phải thu cơ quan bảo hiểm	-	-	9.809.609	-
Phải thu khác	156.761.161	-	54.811.999	-
<i>Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam</i>	3.360.960	-	-	-
<i>Vũ Thị Tâm</i>	102.326.626	-	-	-
<i>Các khoản phải thu của đối tượng khác</i>	51.073.575	-	54.811.999	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**8 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho	25/04/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.033.266.840	-	45.140.765.874	-
<b>Cộng</b>	<b>42.033.266.840</b>	<b>-</b>	<b>45.140.765.874</b>	<b>-</b>

**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	25/04/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>9.1 Ngắn hạn</b>	<b>566.336.996</b>	<b>-</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	566.336.996	-
<b>9.2 Dài hạn</b>	<b>1.620.253.437</b>	<b>105.686.546</b>
Lợi thế kinh doanh	1.530.722.124	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	89.531.313	105.686.546

**CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHÍNH, TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ ĐẤT ĐAI**  
Số 143, ngõ 85, phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU B 09 - DN**

**10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**NGUYÊN GIÁ**

Số dư tại ngày 01/01/2016

Tăng do đánh giá lại giá trị tài sản (\*)

Giảm do đánh giá lại giá trị tài sản (\*)

Số dư tại ngày 25/04/2016

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số dư tại ngày 01/01/2016

Khấu hao trong kỳ

Tăng do đánh giá lại giá trị tài sản (\*)

Giảm do đánh giá lại giá trị tài sản (\*)

Giảm khác (\*\*)

Số dư tại ngày 25/04/2016

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Số dư tại ngày 01/01/2016

Số dư tại ngày 25/04/2016

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
	2.743.766.116	16.046.029.780	3.459.751.726	32.672.556	22.282.220.178
	1.797.980.929 (258.636.363)	593.466.230 (2.228.258.037)	415.060.113	-	2.806.507.272 (2.486.894.400)
	4.283.110.682	14.411.237.973	3.874.811.839	32.672.556	22.601.833.050
	1.577.893.560	12.298.641.584	2.908.256.019	32.672.556	16.817.463.719
	40.141.184	628.601.602	73.236.977	-	741.979.763
	128.377.322	-	-	-	128.377.322
	(63.963.837)	(2.227.491.647)	-	-	(2.291.455.484)
	(32.329.548)	(766.390)	-	-	(33.095.938)
	1.650.118.681	10.698.985.149	2.981.492.996	32.672.556	15.363.269.382
	1.165.872.556	3.747.388.196	551.495.707	-	5.464.756.459
	2.632.992.001	3.712.252.824	893.318.843	-	7.238.563.668

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 25/04/2016 là 57.109.312 VND (tại ngày 01/01/2016 là 6.628.642.952 VND).  
(\* ) Điều chỉnh giá trị tài sản cố định theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/03/2015.  
(\*\*) Giảm khác là số tiền điều chỉnh khấu hao đã trích vào chi phí năm 2015 của tài sản cố định không sử dụng chờ thanh lý sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/03/2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tại ngày 01/01/2016	117.165.000	117.165.000	-
Tăng do đánh giá lại giá trị tài sản	23.433.000	-	23.433.000
Tại ngày 25/04/2016	<b>140.598.000</b>	<b>117.165.000</b>	<b>23.433.000</b>

Đơn vị tính: VND

**12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	25/04/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.133.835.000</b>	<b>1.860.091.997</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	1.097.055.000	1.773.655.000
<i>Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 6</i>	773.655.000	1.773.655.000
<i>Công ty TNHH Kiểm toán An Việt</i>	158.400.000	-
<i>Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt</i>	165.000.000	-
Phải trả cho các đối tượng khác	36.780.000	86.436.997
Phải trả người bán là các bên liên quan	Mối quan hệ	
<i>Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 6</i>	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	
	773.655.000	1.812.054.997
	773.655.000	1.773.655.000
<i>Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam</i>	Công ty mẹ	
	-	38.399.997

**13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (\*)**

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	25/04/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	5.426.198.753	1.582.070.036	5.795.456.679	1.212.812.110
Thuế thu nhập doanh nghiệp (**)	172.380.936	37.258.669	172.380.936	37.258.669
Thuế thu nhập cá nhân	469.750.409	46.731.911	468.278.760	48.203.560
Các loại thuế khác	-	2.666.667	8.000.000	(5.333.333)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	155.646.576	23.972.790	156.335.244	23.284.122
<b>Cộng</b>	<b>6.223.976.674</b>	<b>1.692.700.073</b>	<b>6.600.451.619</b>	<b>1.316.225.128</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>13.1 Phải nộp</b>	<b>6.223.976.674</b>			<b>1.321.558.461</b>
<b>13.2 Phải thu</b>				<b>5.333.333</b>

(\*) Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, cơ quan thuế chưa tiến hành kiểm tra quyết toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách của Công ty từ ngày 01/04/2015 đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

(\*\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ số tiền 37.258.669 VND bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành là 29.977.563 VND và thuế TNDN năm 2015 nộp bổ sung là 7.281.106 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	25/04/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước tiền lương dự phòng	3.424.659.689	5.660.000.000
Trích trước chi phí dịch vụ quản lý trụ sở nhà làm việc	3.388.635.409	5.660.000.000
	36.024.280	-

**15 PHẢI TRẢ KHÁC**

	25/04/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Bảo hiểm xã hội	12.448.854.604	7.488.759.465
Phải trả về cổ phần hóa	991.590.388	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.024.507.346	3.033.700.000
- Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Miền Nam	8.432.756.870	4.455.059.465
- Vũ Thị Tâm	3.200.000.000	3.800.000.000
- Các đối tượng khác	3.105.923.873	-
	2.126.832.997	655.059.465
Phải trả khác là bên liên quan		
Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	203.729.932	655.059.465
Mối quan hệ Công ty mẹ	203.729.932	655.059.465

**CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHÍNH, TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ ĐẤT ĐAI**  
Số 143, ngõ 85, phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**16 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

**16.1 Vay ngắn hạn**

**Các khoản vay cá nhân**

Văn phòng Công ty Địa chính, Tư vấn và Dịch vụ đất đai  
Xí nghiệp Đầu tư và Kinh doanh bất động sản  
Xí nghiệp Địa chính  
Xí nghiệp Địa hình  
Trung tâm Kỹ thuật Công nghệ Môi trường  
Trung tâm Quy hoạch - Tư vấn và Dịch vụ đất đai  
Trung tâm Địa chính đô thị phía Bắc

	25/04/2016	01/01/2016
	VND	VND
	<b>63.285.123.539</b>	<b>96.528.284.917</b>
	50.814.563.686	73.989.025.524
	100.000.000	50.000.000
	1.135.520.669	1.480.973.926
	644.343.615	1.230.000.000
	2.170.000.000	5.492.631.898
	6.575.851.569	11.226.851.569
	1.844.844.000	3.058.802.000

Các khoản vay cá nhân chịu lãi suất theo thỏa thuận giữa Công ty và các cá nhân cho vay nhưng không vượt quá 1,5 lần mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay (từ 0,5%/tháng đến 1,1%/tháng).

Vay và nợ thuê tài chính bên liên quan  
Ông Võ Dương Nguyễn  
Ông Đình Thị Hòa

Mối quan hệ  
Thành viên Ban Giám đốc  
Thành viên Ban Giám đốc

	150.866.421	150.866.421
	2.203.058.890	3.040.808.728

**16.2 Vay dài hạn**

**Các khoản vay cá nhân**

Ông Phạm Văn Dũng  
Ông Vũ Văn Tấn

	-	<b>2.900.000.000</b>
	-	1.700.000.000
	-	1.200.000.000

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHÍNH, TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ ĐẤT ĐAI  
Số 143, ngõ 85, phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**16.2 Vay dài hạn (tiếp theo)**

Biến động các khoản vay:

	25/04/2016		Trong kỳ		01/01/2016
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	VND
Vay ngắn hạn	63.285.123.539	63.285.123.539	9.427.593.777	42.670.755.155	96.528.284.917
Các cá nhân	63.285.123.539	63.285.123.539	9.427.593.777	42.670.755.155	96.528.284.917
Vay dài hạn	-	-	-	2.900.000.000	2.900.000.000
Các cá nhân	-	-	-	2.900.000.000	2.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>63.285.123.539</b>	<b>63.285.123.539</b>	<b>9.427.593.777</b>	<b>45.570.755.155</b>	<b>99.428.284.917</b>



**CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA CHÍNH, TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ ĐẤT ĐAI**  
Số 143, ngõ 85, phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn hoạt động  
từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**17 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Tại ngày 01/04/2015</b>	<b>8.737.624.192</b>	-	-	<b>8.737.624.192</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	420.463.769	420.463.769
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	-	(92.898.932)	(92.898.932)
Nộp kinh phí quản lý Hội đồng thành viên Tổng Công ty	-	-	(215.226.000)	(215.226.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.538.175)	(1.538.175)
Giảm khác	-	-	(110.800.662)	(110.800.662)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>8.737.624.192</b>	-	-	<b>8.737.624.192</b>
Lãi trong kỳ	-	-	85.016.168	85.016.168
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa	1.530.722.124	-	-	1.530.722.124
Tăng do đánh giá lại tài sản	566.336.996	2.701.562.950	-	3.267.899.946
Giảm do đánh giá lại tài sản	-	(195.438.916)	-	(195.438.916)
Chuyển sang vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần	2.506.124.034	(2.506.124.034)	-	-
Tăng do cổ phần phát hành thêm để lại doanh nghiệp	9.192.654	-	-	9.192.654
Tăng do điều chỉnh giảm khấu hao tài sản cố định (*)	-	-	33.095.938	33.095.938
Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (*)	-	-	(7.281.106)	(7.281.106)
Nộp kinh phí quản lý Hội đồng thành viên Tổng Công ty	-	-	(110.831.000)	(110.831.000)
<b>Tại ngày 25/04/2016</b>	<b>13.350.000.000</b>	-	-	<b>13.350.000.000</b>

(\*) Công ty điều chỉnh giảm khấu hao đã trích vào chi phí năm 2015 của tài sản cố định không sử dụng chờ thanh lý sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp số tiền là 33.095.938 VND, dẫn tới tăng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp số tiền là 7.281.106 VND.

**CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	<b>25/04/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	VND	VND
	13.350.000.000	8.737.624.192
	<b>13.350.000.000</b>	<b>8.737.624.192</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**17 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỖ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2016 đến 25/04/2016	Từ 01/04/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
<b>17.a Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
<b>Số đầu năm</b>	8.737.624.192	8.737.624.192
<b>Tăng trong năm</b>	4.612.375.808	-
Chuyển sang vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần	4.036.846.158	-
Tăng do cổ phần phát hành thêm để lại doanh nghiệp	9.192.654	-
Tăng do đánh giá lại tài sản	566.336.996	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.350.000.000</b>	<b>8.737.624.192</b>
<b>17.b Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>		
	Từ 01/01/2016 đến 25/04/2016	Từ 01/04/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>	-	-
<b>Tăng trong năm</b>	118.112.106	420.463.769
Lợi nhuận tăng trong năm	85.016.168	420.463.769
Điều chỉnh giảm khấu hao tài sản cố định năm trước	33.095.938	-
<b>Giảm trong năm</b>	<b>(118.112.106)</b>	<b>(420.463.769)</b>
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	(420.463.769)
Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	(92.898.932)
Nộp kinh phí quản lý Hội đồng thành viên Tổng Công ty	-	(215.226.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.538.175)
Giảm khác (*)	-	(110.800.662)
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung	(7.281.106)	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	(110.831.000)	-
Nộp kinh phí quản lý Hội đồng thành viên Tổng Công ty	(110.831.000)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b><u>Nợ khó đòi đã xử lý</u></b>	25/04/2016		01/01/2016	
	Nguyên	VND	Nguyên	VND
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		215.150.957		215.150.957
<b>Cộng</b>		<b>215.150.957</b>		<b>215.150.957</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***19 DOANH THU**

Từ 01/01/2016

đến 25/04/2016

VND**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

17.004.440.221

Doanh thu cung cấp dịch vụ

17.004.440.221

**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**17.004.440.221*Trong đó:*

Doanh thu đối với các bên liên quan

Mối quan hệ

*Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam**Công ty mẹ*

1.961.848.336

**20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Từ 01/01/2016

đến 25/04/2016

VND

Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

12.253.475.012

**Cộng**12.253.475.012**21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Từ 01/01/2016

đến 25/04/2016

VND**Chi phí quản lý doanh nghiệp**

1.891.834.797

Chi phí nhân viên quản lý

369.721.808

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác

1.522.112.989

**22 LỢI NHUẬN KHÁC**

Từ 01/01/2016

đến 25/04/2016

VND

Các khoản khác

-

**Thu nhập khác**

-

Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội

34.536.853

Các khoản khác

357.232

**Chi phí khác**34.894.085**Lợi nhuận khác**(34.894.085)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**23 CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2016 đến 25/04/2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	114.993.731
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	<i>34.894.085</i>
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội	34.894.085
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)</b>	<b>149.887.816</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (7)=(5)*(6)	29.977.563
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>29.977.563</b>

**24 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2016 đến 25/04/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	758.270.905
Chi phí nhân công	6.820.365.217
Chi phí khấu hao tài sản cố định	741.979.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.922.543.457
Chi phí khác	875.944.053
<b>Cộng</b>	<b>11.119.103.395</b>

**25 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Giao dịch với các bên liên quan:*

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2016 đến 25/04/2016 VND
<b>Mua hàng</b>		<b>39.306.880</b>
Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 6	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	209.000
Tổng Công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	Công ty mẹ	39.097.880
<i>Thu nhập của Ban Giám đốc</i>		Từ 01/01/2016 đến 25/04/2016 VND
Lương, thưởng và các khoản khác		248.272.273
<b>Cộng</b>		<b>248.272.273</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**26 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Các loại công cụ tài chính**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.17.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	25/04/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	3.411.232.724	9.119.397.612
Phải thu của khách hàng	46.964.472.256	79.667.412.003
Phải thu khác	689.873.791	337.854.238
<b>Cộng</b>	<b>51.065.578.771</b>	<b>89.124.663.853</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	1.133.835.000	1.860.091.997
Chi phí phải trả	3.424.659.689	5.660.000.000
Phải trả khác	12.448.854.604	7.488.759.465
Vay và nợ thuê tài chính	63.285.123.539	99.428.284.917
<b>Cộng</b>	<b>80.292.472.832</b>	<b>114.437.136.379</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

**27 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 1.7, báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016 là kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Do đó, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 25/04/2016 không có số liệu so sánh.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2016

Trần Hải Thanh

Lưu Thị Huyền



